

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 27-7-2017  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Sơn Hương
2. Bà Trần Thị Thúy Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Chí Điền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Sấm Ất - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2017, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Trúc S, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2017 (BL 02-03) và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Bùi Thị Trúc S trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận N, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49, quyền số 1 cấp ngày 14 tháng 3 năm 2011 (BL 04).

Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng lúc đầu hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2013 thường xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm sống do tính tình không hợp nên chung sống không hạnh phúc, vì thế bà và ông Nguyễn Văn C đã không còn

chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2013 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh sinh ngày 16 tháng 3 năm 2011 hiện do bà Bùi Thị Trúc S nuôi dưỡng. Nay bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung mà không yêu cầu ông Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Trúc S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Bùi Thị Trúc S khai không thiếu nợ ai.

*Ông Nguyễn Văn C vắng mặt và cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án.*

*Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh cho rằng:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành đầy đủ các giai đoạn tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân cho bà Bùi Thị Trúc S được ly hôn với ông Nguyễn Văn C; Về con chung giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh sinh ngày 16 tháng 3 năm 2011 cho bà Bùi Thị Trúc S tiếp tục nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung đề nghị không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật của vụ án này là: Tranh chấp ly hôn, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè.

2. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án trực tiếp tổng đạt văn bản tố tụng để thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần ông Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án nhưng ông Nguyễn Văn C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn C là phù hợp quy định pháp luật.

3. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị Trúc S và ông Nguyễn Văn C là hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc nhưng kể từ năm 2013 thường xảy ra cãi vã bất đồng quan điểm sống do tính tình không hợp nên bà Bùi Thị Trúc S và ông Nguyễn Văn C đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2013 cho đến nay. Tòa án nhiều lần mời các đương sự lên tham gia hòa giải nhằm động viên cho các đương sự hàn gắn với nhau nhưng ông Nguyễn Văn C đều vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông

Nguyễn Văn C không có thiện chí hòa giải để hàn gắn với bà Bùi Thị Trúc S mà bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của mình. Tòa án tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng của bà Bùi Thị Trúc S và ông Nguyễn Văn C thì được người thân và địa phương nơi cư trú của ông Nguyễn Văn C cung cấp mâu thuẫn vợ chồng của bà Bùi Thị Trúc S và ông Nguyễn Văn C đúng như bà Bùi Thị Trúc S khai (BL 15, 25-26). Vấn đề này thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà Bùi Thị Trúc S và ông Nguyễn Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử sẽ xem xét để cho bà Bùi Thị Trúc S và ông Nguyễn Văn C ly hôn.

4. Về con chung: Việc giao con cho ai nuôi Hội đồng xét xử cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Đối với bà Bùi Thị Trúc S từ khi bà và ông Nguyễn Văn C không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2013 cho đến nay bà đã thực hiện hết nghĩa vụ nuôi con của người mẹ, đảm bảo con chung vẫn phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Bùi Thị Trúc S được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có cơ sở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án giải thích cho các đương sự biết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng bà Bùi Thị Trúc S không yêu cầu ông Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Trúc S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về nợ chung: Bà Bùi Thị Trúc S khai không thiếu nợ ai, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

7. Về án phí: Bà Bùi Thị Trúc S phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Trúc S.
2. Về hôn nhân: Cho bà Bùi Thị Trúc S được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.
3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Huỳnh Anh sinh ngày 16 tháng 3 năm 2011 hiện do bà Bùi Thị Trúc S nuôi dưỡng cho bà Bùi Thị Trúc S tiếp tục nuôi dưỡng mà ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên

gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

4. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Trúc S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Bùi Thị Trúc S khai không thiếu nợ ai, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

6. Về án phí: Bà Bùi Thị Trúc S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010916 ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; Bà Bùi Thị Trúc S đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- UBND phường A, quận N, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Tuyền**

